

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày: 29 – 02 – 2024
V/v Hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Diệp.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh: Bà Cao Thị Kiều - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2023/TLST-KDTM, ngày 08 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần X.

Địa chỉ: Số C, T, phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Đình Quốc H – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc E, sinh ngày 21/5/1978; Số căn cước công dân: 087078028006, cấp ngày 02/12/2022; Địa chỉ: Số C, T, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023) (vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T3.

Địa chỉ: Tổ F, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hồng T, Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14/9/2023, tại phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, ông **Huỳnh Ngọc E** là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần X là đơn vị chủ quản của Cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng **Trần Quốc T1** – Trực thuộc phòng kinh doanh của Công ty có tiến hành việc thỏa thuận mua bán vật liệu xây dựng với **Công ty TNHH T3** để thi công công trình, cụ thể như sau:

- Phương thức đặt hàng và báo giá: Đặt hàng và báo giá qua điện thoại.

- Địa điểm giao nhận hàng hóa:

Công trình: Hạ tầng khu A, **xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.**

Công trình: Công viên **phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.**

- Nội dung công việc: Căn cứ vào đơn đặt hàng về nhu cầu mua vật liệu xây dựng của **Công ty TNHH T3**, **Công ty cổ phần X** đã thực hiện như sau:

Thời điểm bắt đầu và kết thúc: từ ngày 20/12/2022 đến ngày 17/6/2023

Tổng giá trị bên **Công ty cổ phần X** thực hiện cho bên **Công ty TNHH T3** là 327.805.000 đồng.

T2 quyết toán giữa 02 bên: Tính đến ngày 12/9/2023 **Công ty TNHH T3** chưa thanh toán cho **Công ty cổ phần X** số tiền là 327.805.000 đồng.

Công ty cổ phần X yêu cầu **Công ty TNHH T3** trả cho **Công ty cổ phần X** số tiền mua bán còn nợ là 327.805.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 14/9/2023 đến ngày 29/02/2024 với số tiền 14.964.000 đồng.

Đồng thời nhà máy bê tông là đơn vị trực thuộc của **Công ty cổ phần X** còn cung cấp công cho **Công ty TNHH T3** theo đơn đặt hàng ngày 05/6/2023 với giá trị tài sản 25.866.000 đồng, thỏa thuận thanh toán trong vòng 20 ngày sau khi nhận hàng. **Công ty cổ phần X** và vật liệu xây dựng Đồng Tháp đã giao đầy đủ hàng hoá nói trên cho **Công ty TNHH T3** nhưng **Công ty TNHH T3** vẫn chưa thanh toán số tiền mua bán cho **Công ty cổ phần X**. Nay **Công ty cổ phần X** yêu cầu **Công ty TNHH T3** thanh toán số tiền mua bán hàng hoá còn nợ là 25.866.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 20/7/2023 đến ngày 29/02/2024 với số tiền 1.567.000 đồng.

Ngoài ra, **Công ty TNHH T3** còn phải tiếp tục chịu thêm lãi suất từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Công ty TNHH T3 là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bên cạnh đó, **Công ty TNHH T3** cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

công ty cổ phần X (bản sao); Hóa đơn giá trị gia tăng (bản photo); Biên bản nghiệm thu và nhận hàng ngày 20/6/2023 (bản photo); Đơn đặt hàng ngày 05/6/2023 (bản chính); Giấy giao nhận vật liệu xây dựng (bản photo).

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn **Công ty cổ phần X** và vật liệu xây dựng Đồng Tháp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại **tổ F, khóm M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông **Huỳnh Ngọc E** là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông **Võ Hồng T** là người đại diện hợp pháp của bị đơn **Công ty TNHH T3** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần X** về việc yêu cầu **Công ty TNHH T3** trả cho **Công ty cổ phần X** và vật liệu xây dựng Đồng Tháp số tiền mua hàng hóa còn nợ là 353.671.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi đối với số tiền 327.805.000 đồng là từ ngày 14/9/2023 đến ngày 29/02/2024 với số tiền 14.964.000 đồng, thời gian tính lãi đối với số tiền 25.866.000 đồng là từ ngày 20/7/2023 đến ngày 29/02/2024 với số tiền 1.567.000 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi **Công ty TNHH T3** trả hết số tiền còn nợ.

Xét thấy:

[4] Đối với **Công ty TNHH T3** là bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến cũng như không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn đưa ra. Như vậy, nội dung trình bày của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[5] Xét yêu cầu trả số tiền mua hàng hóa còn nợ: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Từ ngày 20/12/2022 đến ngày 17/6/2023, **Công ty cổ phần X** và vật liệu xây dựng Đồng Tháp có bán hàng hóa là vật liệu xây dựng cho **Công ty TNHH T3**. Tính đến ngày 17/6/2023, **Công ty TNHH T3** nợ số tiền mua bán hàng hóa là 327.805.000 đồng. Bên cạnh đó, **Công**

ty cổ phần X còn cung cấp công cho Công ty TNHH T3 theo đơn đặt hàng ngày 05/6/2023 với giá trị tài sản 25.866.000 đồng, hai bên lập biên bản nghiệm thu và nhận hàng vào ngày 21/6/2023. Tuy nhiên, đến nay Công ty TNHH T3 chưa trả được khoản tiền nào. Như vậy, nay Công ty cổ phần X yêu cầu Công ty TNHH T3 trả số tiền còn nợ là 353.671.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 về thanh toán trong mua bán hàng hóa nên chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Công ty cổ phần X yêu cầu Công ty TNHH T3 trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi đối với số tiền 327.805.000 đồng là từ ngày 14/9/2023 đến ngày 29/02/2024 với số tiền 14.964.000 đồng, thời gian tính lãi đối với số tiền 25.866.000 đồng là từ ngày 20/7/2023 đến ngày 29/02/2024 với số tiền 1.567.000 đồng. Xét thấy:

[6.1] Việc mua bán hàng hoá giữa Công ty cổ phần X và Công ty TNHH T3 từ ngày 20/12/2022 cho đến ngày 17/6/2023 không ký kết hợp đồng, không thoả thuận về hình thức thanh toán, thời hạn thanh toán. Hai bên chỉ giao nhận hàng hoá với nhau thể hiện qua các giấy giao nhận vật liệu xây dựng do nguyên đơn cung cấp. Do đó, Công ty cổ phần X yêu cầu Công ty TNHH T3 phải có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi đối với số tiền 327.805.000 đồng là từ ngày 14/9/2023 đến ngày 29/02/2024 với số tiền 14.964.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 và khoản 3, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền nên chấp nhận.

[6.2] Riêng đối với Đơn đặt hàng ngày 05/6/2023 thì hai bên thỏa thuận bên mua sẽ thanh toán 100% giá trị trong vòng 20 ngày làm việc sau khi nhận đủ hàng (tức là ngày 20/7/2023), Công ty TNHH T3 sẽ thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty cổ phần X và vật liệu xây dựng Đồng Tháp nhưng sau đó không trả được khoản tiền nào như đã phân tích. Do đó, nay Công ty cổ phần X yêu cầu Công ty TNHH T3 phải có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi đối với số tiền 25.866.000 đồng là từ ngày 20/7/2023 đến ngày 29/02/2024 với số tiền 1.567.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 và khoản 3, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền nên chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X về việc yêu cầu Công ty TNHH T3 trả cho Công ty cổ phần X và vật liệu xây dựng Đồng Tháp số tiền mua hàng hóa còn nợ là 353.671.000 đồng và tiền lãi là 16.531.000 đồng, tổng cộng là 370.202.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần X, buộc Công ty TNHH T3 phải trả số tiền tổng cộng 370.202.000 đồng nên Công ty TNHH T3 phải chịu án phí là 18.510.000 đồng. Công ty cổ phần X không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 92, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 50 Luật Thương mại năm 2005;
- Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X. Buộc Công ty TNHH T3 trả cho Công ty cổ phần X số tiền 370.202.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH T3 phải chịu số tiền 18.510.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Trả lại cho Công ty cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.535.000 đồng (Chín triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000762 ngày 03 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Tâm